TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 26-3-2026
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Huế.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Phi Anh Toàn;

Bà Võ Thị Tuyết Nhung.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Đức Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1983; CCCD số 037183006812 cấp ngày 28/09/2023; địa chỉ: Ấp T, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Đăng V, sinh năm 1979; CCCD số 038079033958 cấp ngày 20/02/2022; địa chỉ: ấp T, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông V vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/11/2025 và Bản tự khai ngày 06/3/2026, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày: Bà H và ông Lê Đăng V tự nguyện quen biết, tìm hiểu, tổ chức đám cưới, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bình Dương (Nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, cách đây 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân khoảng 1 năm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V.

- Về con chung: Bà H và ông V có 02 con chung là Lê Đăng D, sinh ngày 30/6/2003 và Lê Thị Thanh T, sinh ngày 10/6/2007. Nay con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Lê Đăng V đã được Tòa án tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà H khởi kiện yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông V. Ông V có địa chỉ thường trú tại ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (Nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025, yêu cầu khởi kiện của bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông V quen biết, tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 46, quyển số 01/2002 ngày 25/11/2002 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng: Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V vì cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hiện không còn tình cảm với nhau, ông bà đã sống ly thân đến nay khoảng 1 năm. Ông V đã được Tòa án tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng về việc tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông không đến Tòa án và cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Qua đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H xin ly hôn với ông V là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: Bà H và ông V có 02 con chung là Lê Đăng D, sinh ngày 30/6/2003 và Lê Thị Thanh T, sinh ngày 10/6/2007. Con đã trưởng thành, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên Tòa án không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[8] Về án phí: Bà H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025;

Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H đối với bị đơn ông Lê Đăng V. Bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Lê Đăng V.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0055535 ngày 30/12/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 17, TP. Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- P.THADS Khu vực 17, TP. Hồ Chí Minh
- UBND xã Bắc Tân Uyên, TP. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Bích Huế